TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HS-ST
Ngày 21 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

2. Ông Võ Xuân Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

1. **Võ Đức M**; sinh ngày: 03/3/2003 tại huyện L, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp C, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn K và bà Bùi Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính, xử lý kỷ luật (Quyết định khởi tố bị can số: 800/QĐ-CSMT ngày 09/10/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố bị can Võ Đức M về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"); bị bắt, tạm giam: Không (Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bắt, tạm giam ngày 10/11/2024 trong vụ án khác và đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C - Phân trại tạm giam khu vực quận G - Công an Thành phố H). (Có mặt)

2. **Lê Văn T**; sinh ngày: 11/01/2007 (Đến ngày thực hiện hành vi phạm

tội bị cáo 16 tuổi 09 tháng 30 ngày) tại thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B1 và bà Nguyễn Thị T1; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính, xử lý kỷ luật; bị bắt, tạm giam: Không. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T:*

Bà Phạm Ngọc H - Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. (Có mặt)

- *Bị hại:*

Huỳnh Thanh V - Sinh ngày: 18/01/2007. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp F, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Lê Văn B1 - Sinh năm: 1974. (Vắng mặt)

2. Nguyễn Thị T1 - Sinh năm: 1976. (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3. Huỳnh Thanh T2 - Sinh năm: 1965. (Có mặt)

4. Trần Thị L - Sinh năm: 1961. (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp F, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

5. Võ Văn K - Sinh năm: 1970. (Vắng mặt)

6. Bùi Thị B - Sinh năm: 1970. (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp C, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

7. Trịnh Thanh B2 - Sinh ngày: 22/06/2008. (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- *Người đại diện hợp pháp của Trịnh Thanh B2:*

7.1. Trịnh Văn B3 - Sinh năm: 1990. (Vắng mặt)

7.2. Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1988. (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Khu V, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

8. Nguyễn Minh Đ - Sinh ngày: 12/02/2009. (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- *Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Minh Đ (đồng thời là bị đơn dân*

sự):

8.1. Nguyễn Văn L1 - Sinh năm: 1986. (Vắng mặt)

8.2. Nguyễn Thị N1 - Sinh năm: 1987. (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Trịnh Thanh B2 và Nguyễn Minh Đ:

Bà Phạm Ngọc H - Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 10/11/2023, Võ Đức M gọi điện thoại cho Nguyễn Minh Đ kêu rước M uống cà phê và đi vô Nông trường V Úc chơi. Trong lúc đợi Đ, M gọi cho Trịnh Thanh B2 rủ đi chơi. M tiếp tục gọi cho Lê Văn T kêu đem theo 02 cây dao tự chế mà M mua và gửi nhà T từ trước. M nhờ T đi rước B2 dùm M. Tất cả tập trung tại điểm hẹn gần tiệm bán thức ăn Lộc Mai ở Ngã ba V. Lúc này T đưa cho M 02 cây dao tự chế, M lấy 01 cây và đưa lại cho T 01 cây. Do T điều khiển xe nên T đưa lại cho B2 cầm. Lúc này B2, Đ, T biết là đi chém người khác nhưng không biết chém ai. Đ chở M, T chở B2 bằng xe mô tô vào Nông trường V tại ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang để đợi Huỳnh Thanh V vào tới để chém, nguyên nhân do Vũ quen với bạn gái cũ của M. Khi tới Cầu N, M kêu tất cả dừng xe đợi V. Lúc này, M nói cho Đ, T, B2 biết là đợi V vào tới sẽ chém V, ai tiếp M được thì ở lại, ai không tiếp M thì đi về. Tất cả nghe rõ và đồng ý ở lại tiếp M chém V. Nhưng Đ, T, B2 không biết V nên khi thấy V cùng nhóm bạn vô tới thì M cho cả nhóm biết. V chạy xe một mình ở phía sau nhóm bạn, khi gặp nhóm của M thì V dừng xe lại. Lúc này, T chở B2 đi trước, khi tới vị trí của V thì B2 ngồi sau dùng dao chém V nhưng do T sợ xe T đụng vào xe V nên điều khiển xe né ra ngoài làm B2 chém không trúng V, T điều khiển xe qua khỏi V khoảng 05 mét đến 07 mét thì dừng lại đợi. Đ chở M đến sau, khi gần đến vị trí của V thì M xuống xe dùng 02 tay cầm dao chém từ trên xuống vào người V nhưng không nhớ chém bao nhiêu cái. Hậu quả, V bị thương mặt, vai, lưng và tay. Ngoài ra, M còn chém trúng nón bảo hiểm của V đang đội. Sau khi chém V xong, cả nhóm lên xe đi về. Trên đường đi về, M lấy 02 cây dao tự chế ném xuống sông nhưng không nhớ chính xác đoạn nào.

Căn cứ vào kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 27/KLTTCT- TTPY ngày 23/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh H kết luận:

Tổng tỷ lệ thương tật Huỳnh Thanh V là 14%, cụ thể:

+ 02 vết sẹo má phải gây tổn thương cơ thể hiện tại là: 03% (Ba phần trăm);

+ Vết sẹo mặt phải gây tổn thương cơ thể hiện tại là: 03% (Ba phần trăm);

+ Vết sẹo mặt sau 1/3 trên cánh tay phải gây tổn thương cơ thể hiện tại là: 03% (Ba phần trăm);

+ Vết sẹo phẩu thuật mở rộng vết thương hình chữ T mặt sau 1/3 dưới cẳng tay phải gây tổn thương cơ thể hiện tại là: 03% (Ba phần trăm);

- Cơ chế hình thành vết thương: 02 vết sẹo má phải, bờ trên vai phải, mặt sau 1/3 trên cánh tay phải và vết sẹo mặt sau 1/3 dưới cẳng tay phải của Huỳnh Thanh V do vật sắc bén gây nên.

- Vật gây thương tích: 02 vết sẹo má phải, bờ trên vai phải, mặt sau 1/3 trên cánh tay phải và vết sẹo mặt sau 1/3 dưới cẳng tay phải do vật sắc bén gây nên.

Việc thu giữ, tạm giữ vật chứng, đồ vật, tài liệu: Cơ quan điều tra đã thu giữ, tạm giữ:

- 01 (một) nón bảo hộ, màu hồng trắng đen, có dòng chữ POC. Trên nón có vết đứt bên trái dài 15cm.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh đen bạc, biển số: 95B1-398.51, số máy: JA39E0024175, số khung: 390XHY02410, đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Wave, màu xanh đen, biển số: 95F2-1321, số máy: VMVA1A-D001949, đã qua sử dụng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý trả cho chủ sở hữu:

+ Nguyễn Minh Đ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh đen bạc, biển số: 95B1-398.51, số máy: JA39E0024175, số khung: 390XHY02410, đã qua sử dụng.

+ Lê Văn T: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Wave, màu xanh đen, biển số: 95F2-1321, số máy: VMVA1A-D001949, đã qua sử dụng.

Tại Cáo trạng số: 63/CT-VKS-HVT ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang truy tố các bị cáo Võ Đức M và Lê Văn T có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang để xét xử về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Các bị cáo Võ Đức M và Lê Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Đức M từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị hại, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp tại phiên tòa.

- Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) nón bảo hộ, màu hồng trắng đen, có dòng chữ POC, trên nón có vết đứt bên trái dài 15cm

- Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật truy tố, áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng và chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để xử phạt bị cáo hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hình phạt cải tạo không giam giữ. Về trách nhiệm dân sự đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị hại, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; bị đơn dân sự và người đại diện hợp pháp đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng không cản trở việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[3] Tại phiên toà các bị cáo Võ Đức M và Lê Văn T thừa nhận hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện theo như nội dung của bản cáo trạng đã truy tố. Qua phân tích, đánh giá những vấn đề được tranh tụng tại phiên toà, các chứng cứ, tài liệu được thể hiện trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, đã có đủ cơ sở chứng minh được rằng:

[4] Vào ngày 10/11/2023, xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân từ trước giữa bị cáo Võ Đức M và bị hại Huỳnh Thanh V nên bị cáo M đã rủ rê bị cáo Lê Văn T và các đối tượng Trịnh Thanh B2, Nguyễn Minh Đ chuẩn bị hung khí và cùng nhau đi tìm bị hại V để giải quyết mâu thuẫn. Khi đi thì bị cáo M kêu bị cáo T mang theo hung khí là 02 cây dao tự chế. Bị cáo T điều khiển xe chở B2 cầm theo 01 cây dao tự chế, Đ điều khiển xe chở bị cáo M cầm theo 01 cây dao tự chế. Khi nhóm của bị cáo M gặp bị hại V tại Nông trường V thuộc ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang thì B2 ngồi trên xe do T điều khiển dùng dao chém V nhưng không trúng. Sau đó M xuống xe và dùng dao chém nhiều cái vào người V gây thương tích ở vùng mặt, vai, lưng và tay.

[5] Tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[...]

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

[...]

i) Có tính chất côn đồ;

[...]

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

[...]

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.”.

[6] Như vậy, hành vi của các bị cáo chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt mà thống nhất ý chí cùng nhau dùng dao tự chế là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác với tỷ lệ thương tích tổn thương cơ thể theo kết luận giám định là 14% đã cấu thành tội phạm “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung: *Gây thương tích cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc trường hợp quy định tại điểm a (dùng hung khí nguy hiểm) và điểm i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (có tính chất côn đồ hiểm)* theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang truy tố các bị cáo Võ Đức M và Lê Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

[7] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Trong đó, bị cáo M vừa là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo bị cáo T và các đối tượng B2, Đ phạm tội vừa là người trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại nên vừa là người tổ chức vừa là người thực hành và có vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo T là người chuẩn bị hung khí theo sự chỉ đạo của bị cáo M, điều khiển xe chở đối tượng B2 và cùng cả nhóm đi tìm bị hại để gây thương tích nên là người giúp sức.

Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; chưa bị kết án, xử lý hành chính, xử lý kỷ luật.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo M là người đủ 18 tuổi nhưng đã rủ rê, lôi kéo bị cáo T là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo M phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đều có tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo. Bên cạnh đó, bị cáo T có người thân có công với cách mạng (cậu ruột là Liệt sỹ) nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xét thấy:

[11] Đối với bị cáo M: Mặc dù có 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 nhưng có 01 tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, tại thời điểm phạm tội đã đủ 18 tuổi, sau khi phạm tội bị cáo tiếp tục phạm tội và đang bị tạm giam trong một vụ án khác nên cần có hình phạt tương xứng, cách ly khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[12] Đối với bị cáo T: Tại thời điểm phạm tội là người trên 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi nên được áp dụng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi theo quy định của Bộ luật Hình sự và của Luật Tư pháp người chưa thành niên. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự về quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là người giúp sức tích cực trong vụ án, bản thân bị cáo mặc dùng không có quen biết hay mâu thuẫn gì với bị hại nhưng khi được bị cáo M rủ rê đã tích cực hưởng ứng, chuẩn bị hung khí và điều khiển xe chở đối tượng B2 chém bị hại nhưng không trúng. Do đó, cũng cần phải áp dụng hình phạt cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhưng thấp hơn mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo M.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu các bị cáo M, T và những người cùng gây thương tích cho bị hại Nguyễn Minh Đ, Trịnh Thanh B2 liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại với tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Các bị cáo M, T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Minh Đ, Trịnh Thanh B2 và người đại diện hợp pháp thống nhất cùng có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại và thỏa thuận phần trách nhiệm bồi thường của bị cáo M là 18.000.000 đồng, phần trách nhiệm bồi thường của bị cáo T, Nguyễn Minh Đ và Trịnh Thanh B2 mỗi người là 17.333.000 đồng. Xét thấy thỏa thuận của bị hại, bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp là tự nguyện, nội dung thoả thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo

đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[14] Về chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường, tại Điều 586 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

"Điều 586. Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân

1. Người từ đủ mười tám tuổi trở lên gây thiệt hại thì phải tự bồi thường.

2. Người chưa đủ mười lăm tuổi gây thiệt hại mà còn cha, mẹ thì cha, mẹ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại; nếu tài sản của cha, mẹ không đủ để bồi thường mà con chưa thành niên gây thiệt hại có tài sản riêng thì lấy tài sản đó để bồi thường phần còn thiếu, trừ trường hợp quy định tại Điều 599 của Bộ luật này.

Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.".

[15] Bị cáo M tại thời điểm gây thiệt hại đã đủ 18 tuổi nên phải tự bồi thường. Nguyễn Minh Đ tại thời điểm gây thiệt hại chưa đủ 15 tuổi nên cha, mẹ của Đ là ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị N1 phải chịu trách nhiệm bồi thường. Bị cáo T và Trịnh Thanh B2 thời điểm gây thiệt hại là người từ đủ 15 đến dưới 18 tuổi nên phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ của bị cáo T là ông Lê Văn B1 và bà Nguyễn Thị T1, cha mẹ của B2 là ông Trịnh Văn B3 và bà Nguyễn Thị N phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Về xử lý vật chứng:

[16] Đối với các vật chứng là: 01 (một) nón bảo hộ, màu hồng trắng đen, có dòng chữ POC, trên nón có vết đứt bên trái dài 15cm là không có giá trị hoặc không sử dụng được nên tịch thu và tiêu hủy.

Về hành vi của các đối tượng khác có liên quan trong vụ án:

[17] Đối với các đối tượng Trịnh Thanh B2 và Nguyễn Minh Đ có hành vi giúp sức cho các bị cáo M và T gây thương tích cho người khác nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ, đúng pháp luật.

[18] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do Trịnh Thanh B2 là cá nhân thuộc hộ cận nghèo và có đề nghị được miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[19] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa về hình phạt đối với bị cáo là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận như nhận định tại mục [12].

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Đức M và Lê Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Võ Đức M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Võ Đức M và Lê Văn T, bị đơn dân sự ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị N1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Minh Đ phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại Huỳnh Thanh V với tổng số tiền là: 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Trong đó, trách nhiệm bồi thường của từng người cụ thể như sau:

Bị cáo Võ Đức M phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Huỳnh Thanh V số tiền là: 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng), được khấu trừ số tiền đã bồi thường trước 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng), bị cáo Võ Đức M đã bồi thường xong nên không phải bồi thường thêm.

Bị đơn dân sự ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị N1 phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Huỳnh Thanh V số tiền là: 17.333.000 đồng (mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Trường hợp tài sản của ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị N1 không đủ để bồi thường mà Nguyễn Minh Đ có tài sản riêng thì lấy tài sản đó để bồi thường phần còn thiếu, trừ trường hợp quy định tại Điều 599 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo Lê Văn T phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Huỳnh Thanh V số tiền là: 17.333.000 đồng (mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đã nộp tại nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, còn lại phải tiếp tục bồi thường số tiền 15.333.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Trường hợp bị cáo Lê Văn T không đủ tài sản để bồi thường thì ông Lê Văn B1 và bà Nguyễn Thị T1 phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trịnh Thanh B2 phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Huỳnh Thanh V số tiền là: 17.333.000 đồng (mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng), được khấu trừ số tiền đã bồi thường trước 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), còn lại phải tiếp tục bồi thường số tiền 13.333.000 đồng (mười ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Trường hợp Trịnh Thanh B2 không đủ tài sản để bồi thường thì ông Trịnh Văn B3 và bà Nguyễn Thị N phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) nón bảo hộ, màu hồng trắng đen, có dòng chữ POC, trên nón có vết đứt bên trái dài 15cm.

(Vật chứng được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11 tháng 11 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) là tiền khắc phục hậu quả bị cáo Lê Văn T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang theo Biên lai thu tiền số 0003379 ngày 14 tháng 5 năm 2025 để giải quyết trong quá trình thi hành án.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Võ Đức M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 766.650 đồng (bảy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn dân sự ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị N1 phải chịu 866.650 đồng (tám trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trịnh Thanh B2 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; bị đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền kháng cáo không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Ánh Trúc

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- CA tỉnh Hậu Giang (CQĐT, PV06);
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Cơ sở giam giữ;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.